

Cơ hội, thách thức đối với các dịch vụ tài chính của Việt Nam tham gia TPP

Nguyễn Phương Hoa*

Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement) gọi tắt là TPP là một trong những biểu hiện rõ nét nhất của quá trình toàn cầu hóa trong những năm qua đã và đang có tác động mạnh mẽ đến kinh tế các quốc gia cũng như kinh tế toàn cầu bởi một khi Vòng đàm phán Đoha đi vào bế tắc thì Hiệp định TPP và các Hiệp định thương mại khác được coi như là một biện pháp quan trọng nhằm khơi thông thương mại quốc tế (TMQT) toàn cầu (trong đó có thương mại dịch vụ quốc tế). Tuy nhiên, một quốc gia khi tham gia Hiệp định TPP muốn đem lại hiệu quả thiết thực đối với nền kinh tế và thúc đẩy hoạt động TMQT thì cần phải nghiên cứu kỹ Hiệp định, phải đánh giá một cách chính xác, toàn diện những tác động của việc tham gia Hiệp định (kể cả những tác động tích cực và những tác động tiêu cực) để đưa ra những dự báo chính xác về tác động của Hiệp định đối với từng lĩnh vực cụ thể của nền kinh tế, nhất là những lĩnh vực mà sức cạnh tranh còn yếu như lĩnh vực kinh doanh dịch vụ (trong đó có các dịch vụ tài chính) ở nước ta. Mặc dù những cam kết của các quốc gia tham gia Hiệp định TPP chưa được thực thi (khoảng 2 năm nữa mới thực thi) nhưng cần thiết phải đánh giá được những tác động của Hiệp định TPP với lĩnh vực dịch vụ tài chính. Bởi vậy, bài viết này tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu, đưa ra những đánh giá tác động của Hiệp định TPP đối với các hoạt động kinh doanh dịch vụ (nhất là dịch vụ tài chính) của Việt Nam và đưa ra những giải pháp phù hợp để khai thác cơ hội, hạn chế thách thức.

Bản chất của Hiệp định TPP

Hiệp định TPP bắt đầu khởi động từ năm 2000 với việc đàm phán một Hiệp định thương mại tự do với 4 quốc gia là Bruinei, Chile, New Zealand và Singapore để thực hiện quá trình hội nhập kinh tế của các quốc gia thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Ngày 3/6/2005, bốn quốc gia trên đã thỏa thuận và kí kết Hiệp định (nên được gọi gọi là TPP - 4), Hiệp định TPP - 4 có hiệu lực từ ngày 28/5/2006. Nhưng trong quá trình thực hiện Hiệp định có nhiều quốc gia đã tiếp tục đề nghị đàm phán để tham gia, hiện nay có 12 thành viên tham gia.

Mục tiêu ban đầu của TPP - 4 là giảm 90% thuế xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên trước ngày 1/1/2006 và tiến tới áp dụng thuế suất bằng 0% vào năm 2015, đây là Hiệp định có nội dung bao quát khá toàn diện

các mặt: trao đổi hàng hóa, dịch vụ, các qui định về xuất xứ, rào cản kỹ thuật, đầu tư, sở hữu trí tuệ... Như vậy, có thể thấy rằng **bản chất của Hiệp định TPP là một hình thức liên kết kinh tế nhằm tạo ra khu vực mậu dịch tự do thế hệ mới (FTA)**, nhưng Hiệp định TPP sẽ có những điểm khác FTA truyền thống.

Điểm khác nhau cơ bản giữa Hiệp định TPP và FTA truyền thống là: nếu như FTA truyền thống chỉ tự do hóa thương mại hàng hóa giữa các quốc gia thông qua việc cắt giảm thuế quan là chủ yếu thì TPP lại khá toàn diện về nội dung, bao gồm cả tự do hóa thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, pháp lý, sở hữu trí tuệ. Đây là những nội dung mà trong các FTA từ trước tới nay chưa hề có, bởi nếu phân loại FTA thì có thể chia làm 3 loại sau:

- **FTA thế hệ thứ nhất** (gọi là thế hệ 1): nội dung cam kết chỉ mở cửa với hàng hóa thông qua

cắt giảm rào cản thuế quan và ưu đãi thuế quan.

- **FTA thế hệ thứ hai**: ngoài nội dung như FTA thế hệ 1 nó còn thực hiện việc từng bước mở cửa tự do hóa thị trường dịch vụ thông qua việc giảm dần các loại rào cản phi thuế quan.

- **FTA thế hệ thứ ba**: nội dung cam kết thực hiện rộng hơn và sâu hơn so với thế hệ 1, thế hệ 2 và đó chính là Hiệp định TPP, FTA thế hệ thứ 3 được gọi là FTA của thế kỷ 21. So với nội dung cam kết của thế hệ thứ 1 và thế hệ thứ 2 thì FTA thế hệ thứ 3 (Hiệp định TPP) rộng hơn rất nhiều, toàn diện hơn và cũng sâu hơn rất nhiều. Thậm chí nếu so với WTO thì TPP cũng hội nhập sâu hơn và bình đẳng hơn, minh bạch hơn bởi khi đàm phán gia nhập WTO thì các nước gia nhập gần như đàm phán một chiều, (nước gia nhập phải mở cửa cho các nước thành viên của WTO)

* Ngân hàng Vietinbank

nhưng trong đàm phán gia nhập TPP là “có đi, có lại”.

Sự phân biệt giữa FTA truyền thống và TPP đã cho thấy: *bản chất của TPP là Cộng đồng kinh tế* chứ không đơn thuần chỉ là *khu vực mậu dịch tự do truyền thống* (FTA).

Những cam kết cơ bản trong lĩnh vực dịch vụ tài chính của Hiệp định TPP

TPP là một Hiệp định toàn diện với kết cấu có tới 30 chương và bao quát được toàn bộ các vấn đề có liên quan đến TMQT, đầu tư, quyền-sở hữu trí tuệ.

Dịch vụ tài chính là một trong những hoạt động dịch vụ quan trọng đối với mỗi quốc gia nhưng đây lại là một loại hình dịch vụ có tính “nhạy cảm cao” và sức cạnh tranh của mỗi thành viên tham gia TPP lại rất khác nhau. Ví dụ: các quốc gia như Mỹ, Canada, Australia sức cạnh tranh các dịch vụ tài chính của họ rất cao và được xếp vào hàng đầu của thế giới thì các quốc gia như Việt Nam, Malaixia, Peru sức cạnh tranh của các dịch vụ tài chính lại quá thấp nên rất dễ bị tổn thương nặng nề khi tham gia TPP.

Trong Hiệp định TPP, các cam kết về dịch vụ tài chính được kết cấu một chương riêng (chương 11) với tên gọi là: *Dịch vụ tài chính*. Nội dung cơ bản của các cam kết Dịch vụ tài chính gần giống với Hiệp định GATS (thương mại dịch vụ) của WTO và cụ thể gồm:

Một là, dịch vụ tài chính là bất kỳ loại hình dịch vụ nào mang tính chất tài chính. Các dịch vụ tài chính bao gồm toàn bộ các dịch vụ bảo hiểm và dịch vụ liên quan đến bảo hiểm cũng như toàn bộ các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (ngoài bảo hiểm) phục vụ cho một loại hình

dịch vụ mang tính chất tài chính. Điều 11.1 chỉ ra có 16 loại hình dịch vụ tài chính.

Hai là, các bên cam kết áp dụng nguyên tắc Đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc và nguyên tắc tiếp cận thị trường trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính. Các nguyên tắc trên được qui định cụ thể tại các điều 11.3, 11.4, 11.5. Về cơ bản nguyên tắc đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc được qui định tương tự như của WTO nhưng nguyên tắc tiếp cận thị trường thì qui định chi tiết hơn, cụ thể hơn-rất nhiều so với qui định của WTO.

Ba là, qui định đối tượng tham gia và loại hình dịch vụ tài chính xuyên biên giới. Điều 11.6 chương 11 đã qui định: các nước phải cho phép các nhà cung cấp dịch vụ tài chính xuyên biên giới của một nước thành viên khác được hưởng ưu đãi theo nguyên tắc đãi ngộ quốc gia khi cung cấp dịch vụ tài chính trên lãnh thổ của mình. Các nước thành viên cũng phải cho phép công dân cư trú, không cư trú của mình hay những người đang ở trong lãnh thổ của mình được mua dịch vụ tài chính của các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới ở một nước thành viên khác.

Bốn là, qui định việc cung cấp dịch vụ tài chính mới. Điều 11.7 chương 11 qui định các nước thành viên phải cho phép các tổ chức tài chính của nước thành viên khác cung cấp một dịch vụ tài chính mới như họ cho phép các tổ chức tài chính của mình được cung cấp trong hoàn cảnh giống nhau mà không được sửa đổi luật hiện hành hay đưa ra luật mới. Một nước thành viên được phép yêu cầu các tổ chức tài chính của các nước thành viên khác phải xin phép cung cấp dịch vụ mới đó nhưng chỉ

được từ chối không cấp phép khi cho rằng dịch vụ mới đó có thể ảnh hưởng đến đảm bảo an toàn cho hệ thống tài chính của mình.

Năm là, qui định về vấn đề nhân sự cấp cao và các thành viên Ban giám đốc. Điều 11.9 chương 11 qui định không một nước thành viên nào được yêu cầu các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính của một nước thành viên khác phải tuyển dụng người mang quốc tịch của nước này để đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao hoặc các vị trí quan trọng trong đội ngũ nhân sự cấp cao. Không một nước thành viên nào được phép yêu cầu công dân của mình hay người ngụ cư trên lãnh thổ của mình (hoặc kết hợp cả 2 đối tượng này) chiếm nhiều hơn thành phần trong Ban giám đốc của tổ chức tài chính thuộc nước thành viên thuộc TPP.

Sáu là, qui định quyền tự chủ của các nước thành viên. Điều 11.11 chương 11 của Hiệp định đã qui định: các nước thành viên có quyền đưa ra và áp dụng các biện pháp thận trọng như biện pháp bảo vệ người gửi tiền, nhà đầu tư, người mua bảo hiểm... để đảm bảo an toàn và sự ổn định của hệ thống tài chính. Các biện pháp thận trọng của một nước thành viên được công nhận theo cách: một thành viên công nhận, thông qua sự thỏa thuận của 2 bên hoặc dựa trên sự thỏa thuận với các bên có tham gia hay không tham gia Hiệp định.

Bảy là, qui định về sự minh bạch. Điều 11.13 của chương 11 qui định: các thành viên đảm bảo tính minh bạch về qui chế trong các dịch vụ tài chính đồng thời các biện pháp áp dụng chúng sẽ được áp dụng một cách khách quan và công bằng.

Tám là, qui định về hệ thống thanh toán và thanh toán bù trừ.

Điều 11.15 của chương 11 qui định: các nước thành viên phải cho phép các tổ chức tài chính của các nước thành viên khác được tiếp cận hệ thống thanh toán và thanh toán bù trừ được điều hành bởi cơ quan chức năng của mình và được tiếp cận các nguồn vốn chính thức trong điều kiện kinh doanh bình thường (nhưng không đòi hỏi quyền được tiếp cận nguồn vốn của người cho vay cuối cùng như ngân hàng TW nước sở tại).

Chín là, qui định về vấn đề tham vấn. Điều 11.20 của chương 11 qui định: một thành viên có quyền yêu cầu tham vấn bằng văn bản cho một thành viên khác về một vấn đề liên quan đến dịch vụ tài chính và bên được hỏi tham vấn phải tích cực xem xét để có thể tổ chức được tham vấn. Kết quả tham vấn sẽ được báo cáo lên Ủy ban dịch vụ tài chính.

Mười là, qui định về giải quyết tranh chấp. Điều 11.21 của chương 11 qui định: phần lớn các tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua các điều khoản của chương Giải quyết tranh chấp trong Hiệp định. Riêng chương 11 chỉ giải quyết tranh chấp khi các bên tham gia hiệp định cho rằng tranh chấp phát sinh thuộc chương 11 giải quyết thì sẽ giải quyết theo qui định tại điều 28.9 của chương 9 thông qua Ban hội thẩm từ trường hợp các bên tự thỏa thuận với nhau về thành phần của Ban hội thẩm.

Như vậy, các nội dung cam kết cơ bản về dịch vụ tài chính của chương 11 trong Hiệp định TPP nhằm giảm bớt các rào cản tiếp cận và phát triển các dịch vụ tài chính thông qua các nguyên tắc NT, MFN, tiếp cận thị trường và cho phép chào bán các dịch vụ tài chính mới. Không những

vậy, chương 11 còn qui định cụ thể việc dỡ bỏ các rào cản tiếp cận không được phép và bảo vệ các nhà đầu tư dịch vụ tài chính trước các nguy cơ bị trưng thu, bị đối xử phân biệt, bị hạn chế trong chuyển tiền ra nước ngoài...

Cơ hội và thách thức đối với việc kinh doanh các dịch vụ tài chính của Việt Nam khi tham gia TPP

Về lí thuyết, các nhà nghiên cứu kinh tế cho rằng khi Việt Nam tham gia Hiệp định TPP thì các ngành dệt may, nông nghiệp sẽ là các ngành được hưởng lợi nhiều nhất. Tuy nhiên, lĩnh vực dịch vụ của nước ta (nhất là dịch vụ tài chính) mặc dù chưa phát triển nhưng việc Việt Nam tham gia TPP cũng sẽ tạo ra những cơ hội thuận lợi cho việc phát triển các dịch vụ tài chính, nhất là các dịch vụ tài chính mới. Cụ thể:

Thứ nhất, Việt Nam sẽ có cơ hội từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh các dịch vụ tài chính bởi chúng ta sẽ buộc phải chấp nhận sự cạnh tranh một cách bình đẳng với các tổ chức cung cấp dịch vụ của các nước thành viên tham gia TPP.

Thứ hai, khi TPP có hiệu lực sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho dòng vốn đầu tư của các nước thành viên vào Việt Nam, qua đó sẽ góp phần giải quyết khó khăn vấn đề thiếu vốn đầu tư của Việt Nam thông qua dòng vốn FDI, mặt khác sự tự do hóa về tài chính trong TPP còn giúp cho dòng vốn đầu tư gián tiếp vào Việt Nam gia tăng.

Thứ ba, Việt Nam sẽ có cơ hội mở rộng thị trường kinh doanh các dịch vụ tài chính ở thị trường các nước thành viên của TPP để nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, qua đó góp phần tăng thu ngoại tệ cho

quốc gia và cải thiện cán cân thanh toán quốc tế theo chiều hướng tích cực.

Thứ tư, Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội để tiếp cận và học tập các nước phát triển trong các dịch vụ tài chính nói chung, đặc biệt các dịch vụ tài chính mới mà Việt Nam hiện chưa có hoặc chưa phát triển được.

Thứ năm, giúp các tổ chức tài chính của Việt Nam có điều kiện làm quen và tuân thủ các qui định của luật pháp quốc tế, qua đó từng bước đảm bảo cho hoạt động của họ an toàn, lành mạnh góp phần củng cố sự ổn định, lành mạnh của hệ thống tài chính quốc gia.

Bên cạnh những cơ hội nêu trên, khi Việt Nam tham gia hiệp định TPP thì các tổ chức kinh doanh dịch vụ tài chính của nước ta cũng đứng trước nhiều thách thức không hề nhỏ sau:

Một là, việc mở cửa thị trường dịch vụ tài chính khi tham gia TPP sẽ rộng hơn, toàn diện hơn và cao hơn so với các cam kết khi tham gia các Hiệp định khác (kể cả so với WTO thì TPP cũng rộng hơn, toàn diện hơn và cao hơn) bởi vậy, thách thức đối các tổ chức kinh doanh dịch vụ tài chính trong nước là rất lớn và cũng rất khó khăn, chẳng hạn: ngoài các nghĩa vụ cam kết chung thì các nước còn đặt ra yêu cầu cam kết cụ thể về mở cửa thị trường và bảo hộ đầu tư đối với một số loại hình dịch vụ tài chính mới mà Việt Nam chưa xuất hiện như mô hình bảo hiểm hợp tác xã, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư qua biên giới...

Hai là, một khó khăn khác trong đàm phán mở cửa thị trường dịch vụ tài chính khi tham gia TPP cho Việt Nam là:

cách thức đàm phán của TPP khác với tất cả các cách đàm phán mà Chính phủ Việt Nam đã tham gia là “chọn, cho” thì TPP đàm phán theo phương thức “chọn, bỏ” tức là chỉ liệt kê các bảo lưu trong danh mục các biện pháp không tương thích còn các nội dung không liệt kê vào danh mục này được hiểu là sẽ cam kết thực hiện. Do vậy, việc liệt kê các vấn đề cần được bảo lưu trong lĩnh vực dịch vụ tài chính là một thách thức lớn với nước ta bởi nếu không sẽ không liệt kê đầy đủ các vấn đề cần bảo lưu thì khi thực hiện sẽ vô cùng khó khăn trong cạnh tranh cho các tổ chức tài chính trong nước.

Ba là, năng lực cạnh tranh của các tổ chức tài chính Việt Nam còn yếu nên rất khó có thể cạnh tranh có hiệu quả khi những cam kết về dịch vụ tài chính của TPP có hiệu lực thực thi. Chẳng hạn, các dịch vụ ngân hàng của Việt Nam còn khá đơn điệu, chất lượng chưa cao, việc phân bổ các chi nhánh và phòng giao dịch chưa thật hợp lý, đặc biệt vấn đề quản trị rủi ro của các ngân hàng còn rất yếu ... tất cả các mặt yếu trên dẫn đến hệ số an toàn vốn của toàn hệ thống ngân hàng nước ta theo ước tính chỉ là 8,5% và thấp hơn các nước khác, như Trung Quốc là 11%, Thái Lan là 15,7%, Philipines là 15,2% ...

Bốn là, Hiệp định TPP có hiệu lực thì quá trình tự do hóa tài chính cũng sẽ đặt ra nhiều thách thức đối với việc quản lý tài chính vĩ mô nhất là việc kiểm soát sự luân chuyển của các dòng vốn ra, vào Việt Nam. Nếu việc kiểm soát các dòng vốn ra, vào kém hiệu quả thì dẫn đến nhiều hệ lụy nguy hiểm như: nguy cơ rút vốn ồ ạt khỏi Việt Nam, sự đảo chiều dòng vốn đầu tư từ

trong nước ra nước ngoài, còn nếu không kiểm soát được các dòng vốn vào thì các hệ lụy từ thị trường bất động sản “đóng băng” do vốn đầu tư vào thị trường này quá nóng dẫn đến nợ xấu của các tổ chức tài chính gia tăng nhanh chóng như những năm vừa qua.

Các giải pháp đối phó với những thách thức của Việt Nam khi mở cửa thị trường dịch vụ tài chính tham gia TPP

Khi Hiệp định TPP có hiệu lực, để đối phó với những thách thức đã nêu trên đối với việc mở cửa thị trường dịch vụ tài chính cần thực hiện tốt một số giải pháp sau thì việc tham gia Hiệp định TPP mới có ý nghĩa thúc đẩy thị trường dịch vụ tài chính của Việt Nam phát triển có hiệu quả:

Thứ nhất, các tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính trong nước cần phải nhận thức được họ sẽ là chủ thể đích thực tham gia “sân chơi” TPP để từ đó chủ động đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các loại hình dịch vụ kinh doanh thì mới có thể kinh doanh có hiệu quả khi tham gia “sân chơi” TPP. Đặc biệt, các tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính trong nước cần xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế trong quản lý hoạt động kinh doanh của mình để hướng tới thực hiện các cam kết với TPP một cách chủ động nhất. Mặt khác, các tổ chức kinh doanh dịch vụ tài chính trong nước cần nhanh chóng tìm mọi biện pháp nhằm tăng năng lực tài chính của mình để có thể đáp ứng được quá trình cạnh tranh khốc liệt khi tham gia TPP.

Thứ hai, các cơ quan quản lý nhà nước cần hỗ trợ các tổ chức kinh doanh dịch vụ tài

chính trong nước theo hướng tạo ra khuôn khổ pháp lý cho việc tham gia TPP. Cụ thể là:

- Xây dựng cụ thể từng bước đi trong việc mở cửa thị trường tài chính khi thực hiện các cam kết với TPP cho phù hợp với điều kiện cụ thể của mình nhưng vẫn phải đảm bảo thực hiện đúng về mặt lộ trình thời gian đã cam kết. Chẳng hạn: mở cửa thị trường vốn cho các nhà đầu tư nước ngoài theo lộ trình đã cam kết nhưng đồng thời phải có biện pháp để kiểm soát có hiệu quả luồng vốn vào Việt Nam.

- Cần phải có sự đồng bộ trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô có liên quan đến thị trường tài chính trong nước, đặc biệt là mối quan hệ giữa chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ và chính sách tỉ giá để phát huy hết sức mạnh của các chính sách này trong việc phát triển thị trường tài chính quốc gia lành mạnh, ổn định nhưng vẫn đảm bảo những cam kết với TPP.

- Chính phủ cần nghiên cứu kỹ lưỡng những cam kết với TPP để đưa ra các biện pháp giới hạn việc mở cửa thị trường vốn có hiệu quả nhưng không vi phạm các cam kết với TPP như: giám sát chặt chẽ sự luân chuyển các luồng vốn (nhất là vốn ngắn hạn) và các giao dịch vốn trên thị trường chứng khoán đồng thời áp dụng một số biện pháp nhằm hạn chế di chuyển vốn ra nước ngoài.

Thứ ba, Chính phủ cần giao nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ có liên quan chịu trách nhiệm cụ thể nhiệm vụ, bước đi và các vấn đề có liên quan của Bộ mình nhằm giúp cho việc mở cửa thị trường dịch vụ tài chính của Việt Nam với TPP có hiệu quả.

(Xem tiếp trang 72)

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tổ chức các khóa đào tạo về Bancassurance cho cán bộ của ngân hàng trong cả nước nhằm chuẩn bị tốt nhất cho việc hợp tác phân phối sản phẩm. Đặc biệt, cần chú trọng đào tạo phần kỹ năng bán hàng giành cho các nhân viên ngân hàng như: kỹ năng tư vấn, giới thiệu và thuyết phục khách hàng. Cần đầu tư mạnh vào các chương trình đào tạo đại học, bên cạnh các khóa đào tạo ở trình độ cơ bản, cần tăng cường tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu, tính ứng dụng nghề nghiệp cao về từng nghiệp vụ thực hành trong DNBH và tại các NHTM.

- Nâng cao trình độ về công nghệ thông tin của ngân hàng và công ty bảo hiểm, trình độ này phải đạt đến mức độ nhất định đảm bảo liên thông dữ liệu về cơ sở khách hàng, về cơ chế thu chi hộ, thanh toán định kỳ... đặc biệt là phần mềm quản lý

tập trung để hai bên có thể giám sát được kết quả hợp tác một cách thường xuyên.

- Công ty bảo hiểm cần kết hợp với ngân hàng để nâng cao chất lượng dịch vụ hậu mãi và mở rộng chương trình hậu mãi cho khách hàng: Vay tiền ở ngân hàng thông qua hợp đồng bảo hiểm, ưu đãi trong sử dụng thẻ ATM,...

- Chú trọng đến việc thiết kế các sản phẩm bảo hiểm đặc thù, chuyên biệt dành cho kênh phân phối Bancassurance, tránh trùng lặp với các sản phẩm của ngân hàng. Việc thiết kế sản phẩm bảo hiểm cần phải đơn giản, dễ hiểu đối với nhân viên ngân hàng và quan trọng hơn là với chính các khách hàng tham gia. Vì sản phẩm càng dễ hiểu bao nhiêu thì khách hàng càng hiểu một cách sâu sắc về sản phẩm bảo hiểm và sẽ càng tin tưởng vào sản phẩm đó bấy nhiêu.

Với những giải pháp hỗ trợ thị trường của cơ quan quản lý và nỗ lực vượt khó, tìm kiếm cơ hội của chính doanh nghiệp bảo hiểm và các NHTM, thị trường bảo hiểm năm 2016 kỳ vọng sẽ phát triển mạnh mẽ, góp phần đảm bảo thị trường bảo hiểm phát triển ngày càng vững chắc, giá trị tài sản của doanh nghiệp bảo hiểm tăng lên, doanh thu tăng cao, đầu tư trở lại nền kinh tế lớn, ngày càng khẳng định vị thế và vai trò của bảo hiểm trong nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo:

TS. Nguyễn Hữu Hiệu (2009), *Tìm hiểu Bancassurance dưới góc độ ngân hàng, cổng thông tin điện tử Vietinbank*, 2009.

Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (2013, 2014, 2015), *Số liệu thị trường bảo hiểm Việt Nam*.

Bancassurance - Hiệu quả tới đâu? Nguyễn Quân - Thời báo kinh tế Sài Gòn (2012).

Cơ hội, thách thức đối với các dịch vụ...

(Tiếp theo trang 68)

Chẳng hạn, Bộ Tài chính phải chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện những cam kết các dịch vụ tài chính trong lĩnh vực chứng khoán và bảo hiểm, Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện nhưng cam kết các dịch vụ tài chính liên quan đến hoạt động của các ngân hàng thương mại.

Hiện tại, Bộ Tài chính đang quan tâm nghiên cứu 3 vấn đề lớn có liên quan đến các cam kết dịch vụ tài chính với TPP về chứng khoán và bảo hiểm là:

- Mở rộng thị trường và xây dựng cơ chế minh bạch.

- Cơ chế bảo hộ cho các nhà đầu tư nước ngoài vào dịch vụ tài chính.

- Xây dựng không gian chính sách để có thể áp dụng được các biện pháp quản lý thận trọng với các nước thành viên TPP mà không vi phạm cam kết.

Trên đây là một số suy nghĩ của tác giả về những cơ hội, thách thức của các dịch vụ tài chính Việt Nam khi thực hiện các cam kết của Hiệp định TPP, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm vượt qua những thách thức đó. Hi vọng rằng, với những chỉ đạo sát sao của các cơ quan lý nhà nước thì các dịch vụ tài chính

của nước ta sẽ cạnh tranh được khi thực hiện những cam kết của Hiệp định TPP.

Tài liệu tham khảo:

Thư viện pháp luật - Giới thiệu toàn văn bản dịch Hiệp định TPP (2015).

Trung tâm Thông tin tư liệu, Viện NCQLTW 2014: Thách thức khi Việt Nam tham gia TPP - Lợi ích của Mỹ và một số nước khác khi tham gia TPP

Quỳnh chi: Cam kết TPP trong lĩnh vực tài chính - Cổng thông tin Vietstock.